

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 17 tháng 04 năm 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nhưng; bà Trần Thị Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2024, việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST - DS ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H năm 1961

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh Vắng mặt

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh Có mặt

- Bị đơn: Bà Lê Thị T năm 1955 và ông Nguyễn Văn N năm 1953

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, nên vào tháng 11 năm 2023, vợ chồng bà Lê Thị T1 ông Nguyễn Văn N9 đến đặt vấn đề vay của bà Nguyễn Thị H1 tổng số tiền là 320.780.000đ (ba trăm hai mươi triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng), thời hạn vay đến ngày 18/12/2023 sẽ thanh toán số tiền trên.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì vợ chồng bà Lê Thị T1 ông Nguyễn Văn N9 thế chấp tại bà Nguyễn Thị H1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DE 518574, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01101 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/4/2022 mang tên Nguyễn Văn N và Lê Thị T2 (*quá trình thế chấp hai bên không làm thủ tục đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước*)

Tuy nhiên sau khi vay tiền đến nay, mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ với bà Lê Thị T1 ông Nguyễn Văn N1 yêu cầu trả tiền đã vay nhưng bà Lê Thị T1 ông Nguyễn Văn N2 hứa hẹn lần này đến lần khác mà không chịu trả tiền cho bà Nguyễn Thị H2

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị H1 đề nghị Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh giải quyết buộc bà Lê Thị T1 ông Nguyễn Văn N3 trả cho bà Nguyễn Thị H1 tổng số tiền là: 368.897.000đ (*ba trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng*), tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn. Tuy nhiên, tại bản tự khai và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà Nguyễn Thị H1 đề nghị Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N5 bà Lê Thị T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là: 320.780.000đ (*ba trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật

Để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp, Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã giao nộp tài liệu chứng cứ: Căn cước công dân của bà Nguyễn Thị H1 (01 tờ, bản sao); Căn cước công dân của ông Nguyễn Xuân L1 (01 tờ, bản sao); hợp đồng uỷ quyền (01 bản gốc); giấy vay tiền (01 tờ, bản gốc), đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí toà án (01 tờ, bản gốc), bản tự khai (01 bản gốc); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 bản gốc); đơn đề nghị không tiến hành hòa giải (01 bản gốc).

Về ý kiến của bị đơn:

Theo lời trình bày của bị đơn Lê Thị T Bà Lê Thị T3 nhận vào ngày 30 tháng 11 năm 2023, vợ chồng bà (bà T1 ông Nguyễn Văn N10 vay của bà Nguyễn Thị H3 tiền 320.780.000 đồng, mục đích vay là để cho người khác vay lại, các bên không thoả thuận về lãi suất, khi vay vợ chồng bà đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bà Nguyễn Thị H4 hạn vay đến ngày 18 tháng 12 năm 2023, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ người vay tiền của vợ chồng bà T4 trả nợ cho vợ chồng ông bà nên đến nay vợ chồng ông bà chưa có tiền trả cho bà Nguyễn Thị H Bà T5 nguyện vọng được bà Nguyễn Thị H5 thêm thời gian để trả nợ.

Bị đơn Nguyễn Văn N6 trình bày thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị T2

Ngoài bản tự khai thì bà Lê Thị T6 Nguyễn Văn N7 giao nộp thêm đơn xin miễn án phí mà không giao nộp các tài liệu, chứng cứ khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, 463, 465, 466, 470, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả khoản nợ gốc 320.780.000đ (*ba trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định bằng $= 320.780.000đ \times 10\%/năm \times 487 \text{ ngày}$ (thời gian quá hạn tính từ ngày 19/12/2023 đến ngày xét xử là 17/04/2025) = 42.799.961 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 131, 309 Bộ luật dân sự buộc bà Nguyễn Thị H6 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn N8 Lê Thị T7 tờ bà H7 giữ

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị đơn theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng, xác định quan hệ tranh chấp:*

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bị đơn trả số tiền mà bị đơn đã vay của nguyên đơn. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa các cá nhân với cá nhân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn Lê Thị Tvà Nguyễn Văn N9 nơi đăng ký thường trú tại: Xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H8 mặt nhưng đã uỷ quyền lại cho người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Xuân L2 đồng uỷ quyền giữa các bên là hợp pháp. Đối với bị đơn Lê Thị Tvà Nguyễn Văn N10 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N8 T không có mặt tại phiên tòa, do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án đến thời điểm trước khi Toà án cấp sơ thẩm ra bản án, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị H1 là có căn cứ và hợp pháp. Bởi lẽ, việc vay nợ tiền giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 và bị đơn (ông Nguyễn Văn N8 Lê Thị T8 hiện bằng văn bản (Giấy vay tiền ngày 30/11/2023), giao dịch vay tiền được thực hiện giữa cá nhân và cá nhân có năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm quy định về hình thức hợp đồng; Nội dung giấy vay: Thỏa thuận khoản vay, thời hạn vay không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội. Bị đơn Lê Thị T1 Nguyễn Văn N11 nhận sự việc ông, bà vay tiền của bà Nguyễn Thị H9 như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên do ông, bà đã cho người khác vay số tiền trên nên cần thời gian để trả nợ cho bà H

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định giữa bà Nguyễn Thị H1 và vợ chồng bà Lê Thị T6 Nguyễn Văn N10 có giao dịch vay tiền. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H10 cầu bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật là hoàn toàn có căn cứ và hợp pháp.

Theo lời khai của các đương sự, hợp đồng vay tiền thì số tiền gốc mà bị đơn nợ nguyên đơn là số tiền tính đến nay bà T6 N còn nợ bà Nguyễn Thị H1 là 320.780.000đ (*ba trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*). Về tiền lãi, do giao dịch giữa nguyên đơn, bị đơn là khoản vay có thời hạn, không lãi suất do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các khoản lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn gồm: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc), như vậy lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị H1 = 320.780.000đ x 10%/năm x 487 ngày = 42.799.961 đồng.

Căn cứ Điều 357, 463, 465, 466, 470, 468 Bộ luật Dân sự, Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đủ cơ sở để buộc bị đơn bà Lê Thị T1 ông Nguyễn Văn N10 phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị H3 tiền 363.579.961đồng, gồm: 320.780.000 đồng tiền gốc và 42.799.961 đồng tiền lãi.

[4] Tại giấy vay tiền đề ngày 30 tháng 11 năm 2023 thể hiện “*Cắm 01 sổ đỏ mang tên vợ chồng, 01 sổ đất ruộng*”, lời khai của các đương sự đều thể hiện bị đơn đã cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 356, tờ bản đồ số 30 thuộc thôn N, xã K bà Nguyễn Thị H11 đảm bảo khoản vay nợ. Theo quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự, các giấy tờ về quyền sử dụng đất không phải là đối tượng pháp luật quy định được cầm cố. Do đó căn cứ vào điều 131 Bộ luật dân sự,

bà Nguyễn Thị H6 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn N10, bà Lê Thị T2 giấy tờ bà H7 giữ.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, tuy nhiên cả ông Nguyễn Văn N5 bà Lê Thị T9 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí do đó cần miễn án phí cho ông Nguyễn Văn N5 bà Lê Thị T2

[6] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn Nguyễn Thị H1, bị đơn Lê Thị T Nguyễn Văn N12 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 288, Điều 131, 309, 401, 404, 407, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1, buộc bà Lê Thị T1 ông Nguyễn Văn N3 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H1 tổng số tiền nợ là: số tiền 363.579.961 đồng, gồm: 320.780.000 đồng tiền gốc và 42.799.961 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H12 lại cho ông Nguyễn Văn N bà Lê Thị T10 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DE 518574, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 01101 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 18/4/2022 mang tên Nguyễn Văn N và Lê Thị T2

2. Về án phí: Bà Lê Thị Tông Nguyễn Văn N13 miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn Nguyễn Thị H1, bị đơn Lê Thị TNguyễn Văn N12 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người đại diện theo uỷ quyền;
- VKS ND huyện Kỳ Anh (2 bản);
- VKS ND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Hoàng

Án lệ số 11/2017/AL ngày 14/12/2017 về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp; Án lệ số 36/2020/AL thông qua ngày 05/02/2020 về hiệu lực của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi, hủy bỏ;